

Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của các dung dịch đối chiếu (1) và (2).

Độ ẩm

Hoàn mềm: Không quá 15,0 % (Phụ lục 12.13).

Hoàn cứng: Không được quá 13,0 % (Phụ lục 9.6, 1 g, 100 °C, 4 h).

Bảo quản

Trong đồ đựng kín, để nơi khô mát.

Công năng, chủ trị

Tư dưỡng can thận, minh mục. Chủ trị: Phong tà thừa lúc can thận âm hư xâm nhập kết hợp với nhiệt khí công lên mắt gây nên: Mắt có màng, chảy nước mắt, đồng tử giãn nhìn không rõ.

Cách dùng, liều lượng

Mỗi lần dùng 1 hoàn mềm hoặc 6 g đến 9 g hoàn cứng, ngày 2 lần.

HOÀN NGÂN KIỂU GIẢI ĐỘC

Công thức

Kim ngân hoa (<i>Lonicerae Flos</i>)	200 g
Liên kiều (<i>Forsythiae suspensae Fructus</i>)	200 g
Bạc hà (<i>Menthae Herba</i>)	120 g
Kinh giới tuệ (<i>Elsholtziae ciliatae Herba</i>)	80 g
Đạm đậu xị (Đỗ đen chế)	
(<i>Viguae cylindricae Semen Preparatum</i>)	100 g
Ngưu bàng tử sao (<i>Arctii lappae Fructus Praeparatus</i>)	120 g
Cát cánh (<i>Platycodonis grandiflori Radix</i>)	120 g
Đạm trúc điệp (<i>Lophatheri Herba</i>)	80 g
Cam thảo (<i>Glycyrrhizae Radix et Rhizoma</i>)	100 g
Mật ong vừa đủ (<i>Mel q.s</i>)	

Bào chế

Tán Kim ngân hoa và Cát cánh thành bột mịn và rây. Cát lấy tinh dầu Bạc hà và Kinh giới để riêng và thu lấy phần dịch nước cất vào bình đựng khác. Sắc bã Bạc hà và Kinh giới cùng 5 vị thuốc còn lại 2 lần, mỗi lần 2 h, gộp các dịch sắc và lọc. Phối hợp dịch lọc và dịch nước cất Bạc hà, Kinh giới ở trên, cô đến cao đặc. Thêm bột mịn Kim ngân và Cát cánh, trộn đều, sấy khô, tán thành bột mịn và rây. Phun tinh dầu Bạc hà và Kinh giới vào bột này rồi trộn đều. Cứ 100 g bột kép thêm 80 g đến 90 g mật ong luyện để chế thành hoàn mật 3 g.

Chế phẩm phải đáp ứng các yêu cầu trong chuyên luận “Thuốc hoàn” (Phụ lục 1.11) và các yêu cầu sau:

Tính chất

Hoàn hình cầu, màu nâu, mùi thơm, vị hơi ngọt, đắng và cay. Mỗi hoàn 3 g.

Định tính

A. Soi kính hiển vi: Hạt phấn màu vàng, hình cầu, đường

kính 54 µm đến 68 µm. Nhiều đám calci oxalat, đường kính 5 µm đến 17 µm, trong mảnh mô mềm có ống nhựa mũ nối liền nhau, đường kính 14 µm đến 25 µm, chứa hạt nhỏ, màu vàng nhạt.

B. Định tính Kinh giới, menthol

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel G*.

Dung môi triển khai: *n*-Hexan - ethyl acetat (17 : 3).

Dung dịch thử: Lấy 4 hoàn, nghiền mịn, thêm 3 g *diatomit*, trộn đều, thêm 20 ml *ether dầu hòa* (60 °C đến 90 °C) (TT), nút kín, lắc liên tục 15 min rồi ngâm qua đêm, lọc. Bốc hơi dịch lọc trên cách thủy đến còn khoảng 1 ml dùng làm dung dịch thử.

Dung dịch đối chiếu (1): Lấy 1 g bột Kinh giới (mẫu chuẩn), thêm 20 ml *ether dầu hòa* (60 °C đến 90 °C) (TT), chiết tiếp tục như mô tả ở phần Dung dịch thử.

Dung dịch đối chiếu (2): Hòa tan menthol trong *ethanol* (TT) để được dung dịch có nồng độ 2 mg/ml.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 10 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng rồi phun dung dịch *anisaldehyd* (TT). Sấy bản mỏng ở 105 °C trong 10 min. Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu (1) và (2).

C. Định tính Liên kiều

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel GF₂₅₄*.

Dung môi triển khai: *Cloroform* - *methanol* (20 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 4 hoàn, nghiền mịn, thêm 3 g *diatomit*, trộn đều, thêm 30 ml *ethanol* (TT), đun sôi hồi lưu trên cách thủy 1 h, để nguội, lọc. Bốc hơi dịch lọc trên cách thủy đến khô. Hòa cồn trong 2 ml *ethanol* (TT).

Dung dịch đối chiếu: Lấy 2 g bột Liên kiều (mẫu chuẩn), thêm 40 ml nước, ngâm trong cách thủy 1 h, lọc. Bốc hơi dịch lọc trên cách thủy tới cạn. Hòa cồn trong 2 ml *ethanol* (TT).

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 10 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng rồi phun dung dịch gồm *anhydrid acetic* - *acid sulfuric* (20 : 1). Sấy bản mỏng ở 105 °C trong 10 min, quan sát dưới ánh sáng tử ngoại bước sóng 366 nm. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết phát huỳnh quang tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

D. Định tính Ngưu bàng tử, Cam thảo.

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel G*.

Dung môi triển khai: *Cloroform* - *methanol* (95 : 5).

Dung dịch thử: Dùng dung dịch thử ở phần định tính Liên kiều.

Dung dịch đối chiếu (1): Lấy 1,2 g Nguir bằng tử (mẫu chuẩn), thêm 20 ml *ethanol* (TT), đun sôi hồi lưu trong cách thủy 1 h, lọc. Bốc hơi dịch lọc trên cách thủy tới cạn. Hòa lẫn trong 1 ml *ethanol* (TT), lọc được dung dịch chấm sắc ký.

Dung dịch đối chiếu (2): Lấy 1,2 g Cam thảo (mẫu chuẩn), tiến hành chiết như mô tả ở phần Dung dịch đối chiếu (1). **Cách tiến hành:** Chấm riêng biệt lên bản mỏng 10 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng, phun dung dịch *acid sulfuric loãng* (TT). Sấy bản mỏng ở 105 °C cho đến khi hiện rõ vết. Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

E. Định tính Kim ngân (hoa)

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel GF₂₅₄*.

Dung môi triển khai: *n-Hexan - ethyl acetat* (8 : 2).

Dung dịch thử: Dùng dung dịch thử ở phần định tính Liên kiều.

Dung dịch đối chiếu: Lấy 1,2 g hoa Kim ngân (mẫu chuẩn), thêm 10 ml *ethanol* (TT), ngâm trong 2 h, thỉnh thoảng lắc. Lọc, lấy dịch lọc cô trên cách thủy đến cạn. Hòa lẫn trong 1 ml *ethanol* (TT) được dung dịch chấm sắc ký.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 10 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng rồi phun dung dịch *vanilin 2 % trong acid sulfuric* (TT). Sấy bản mỏng ở 105 °C cho đến khi hiện rõ vết. Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

Độ ẩm

Không quá 15,0 % (Phụ lục 12.13).

Bảo quản

Để nơi khô, mát, trong lọ kín.

Công năng, chủ trị

Tân lương giải biểu, thanh nhiệt giải độc. Chủ trị: Cảm mạo phong nhiệt kèm phát sốt, sởi phong hàn nhứ đầu, ho, khô miệng, họng đau.

Cách dùng, liều lượng

Mỗi lần 1 hoàn, ngày 2 đến 3 lần, uống với nước sắc Lô căn hoặc nước đun sôi còn ấm.

HOÀN NHỊ TRẦN

Công thức

Trần bì (<i>Citri reticulatae Pericarpium Perenne</i>)	200 g
Bán hạ chế (<i>Pinelliae Rhizoma Praeparatum</i>)	200 g
Bạch linh (<i>Poria</i>)	120 g
Cam thảo (<i>Glycyrrhizae Radix et Rhizoma</i>)	60 g

Bào chế

Bán hạ: Được chế biến theo chuyên luận riêng. Có thể dùng Bán hạ nam (*Typhonium trilobatum*).

Trần bì: Bỏ màng trắng, thái chỉ, vi sao hoặc sao vàng.

Tán bốn vị thuốc trên thành bột mịn, rây qua rây số 355 và trộn đều. Ngoài ra, lấy 40 g Gừng tươi già, giã nát, thêm lượng nước thích hợp, vắt lấy nước. Lấy dịch nước gừng trộn với bột thuốc nói trên để bào chế thành hoàn theo phương pháp ghi trong chuyên luận “Thuốc hoàn”.

Chế phẩm phải đáp ứng các yêu cầu trong chuyên luận “Thuốc hoàn” (Phụ lục 1. 11) và các yêu cầu sau:

Tính chất

Hoàn màu nâu tro đến màu nâu vàng; mùi thơm nhẹ; vị ngọt, hơi cay.

Định tính

A. Soi kính hiển vi thấy: Các sợi nấm không màu của Bạch linh, các sợi mang tinh thể calci oxalat của Cam thảo. Các mảnh mạch điểm của Trần bì, các mảnh mạch xoắn của Bán hạ. Có đối chiếu với bột Bạch linh, Cam thảo, Trần bì, Bán hạ chuẩn.

B. Lấy 2 g chế phẩm đã nghiền thành bột mịn, cho vào ống nghiệm, thêm 7 ml *ethyl acetat* (TT). Lắc đều. Đun nóng trên cách thủy 5 min. Lọc, cho dịch lọc vào 3 ống nghiệm nhỏ, mỗi ống 1 ml.

Ống 1: Thêm ít bột *magnesi* (TT) và cho từ từ *acid hydrochloric* (TT) dọc theo thành ống nghiệm, đun nóng nhẹ. Xuất hiện màu tím hồng.

Ống 2: Thêm vài giọt dung dịch *natri hydroxyd 10 %* (TT), xuất hiện màu vàng cam.

Ống 3: Thêm vài giọt dung dịch *sắt (III) clorid 5 %* (TT), xuất hiện màu xanh đen.

C. Định tính Trần bì.

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Dùng *Silica gel G* và dung dịch *natri hydroxyd 0,5 %* để tráng bản mỏng.

Dung môi khai triển:

Hệ 1: *Ethyl acetat - methanol - nước* (100 : 17 : 13).

Hệ 2: *Toluen - ethyl acetat - acid formic - nước* (20 : 10 : 1 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 5 g bột chế phẩm, thêm 30 ml *methanol* (TT), đun hồi sôi lưu trong cách thủy 30 min, để nguội, lọc, cô dịch lọc còn khoảng 5 ml làm dung dịch thử.

Dung dịch đối chiếu: Hòa tan hesperidin chuẩn trong *methanol* (TT) để được dung dịch bão hòa.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 2 µl mỗi dung dịch trên.

Triển khai sắc ký với hệ 1 đến khi dung môi đi được 3 cm, lấy bản mỏng ra, để khô trong không khí. Tiếp tục triển khai sắc ký với hệ 2 đến khi dung môi đi được 8 cm, lấy bản mỏng ra, để khô trong không khí. Phun dung dịch *nhôm clorid 1 %* [Hòa tan 1 g *nhôm clorid* (TT) trong *ethanol 96 %* (TT) vừa đủ 100 ml], sấy bản mỏng ở